

Tùy bút
Chủ đề: trần hoài thư
Tác giả: Như Không

TRẦN HOÀI THƯ, NHÀ THƠ CẦM SÚNG

(Bài viết tưởng nhớ nhà thơ Trần Hoài Thư vừa qua đời ngày 27/5/24 trên đất Mỹ)

Tiểu sử vắn tắt:

Trước 1975, giáo sư Toán tại Quảng Tín. Sĩ quan Thám Kịch QLVNCH thuộc Sư Đoàn 22 BB.

Sau 1975 tù 3 năm. Vượt biên đến Mỹ. Học tiếp lấy bằng Cử Nhân IT và Cao Học Toán ứng dụng.

Tiếp tục các hoạt động văn học

Biết và đọc anh từ khá lâu, trước 1975. Mấy mươi năm trôi qua khi đầu đã bạc lại được biết thêm về anh qua các bài viết của nhà thơ Lê Mai Lĩnh. Lê Mai Lĩnh sư huynh thuộc loại người thẳng như ruột ngựa, thích và phục ai là nói thẳng mà đã không thích thì cũng... khó lòng mà yên thân được với anh. Trong bài viết của mình, Lê huynh không giấu diếm sự ngưỡng mộ với anh Trần Hoài Thư (“Trần Hoài Thư, tên cowboy hai súng” – Bài viết của nhà thơ Lê Mai Lĩnh). Ngưỡng mộ là phải, 75 tuổi trên đất Mỹ, anh cặm cụi cùng với vợ đến một thư viện cách nhà 5 giờ lái xe để sao chép lại mỗi ngày một cách rất thủ công những đầu sách thực sự giá trị in tại miền nam VN trước 1975. Dem về lại hi hục in ấn rồi đóng thành sách để... tặng không cho những người yêu văn chương miền Nam và những người thực sự có nhu cầu.

“Đối với tôi, những tác giả trong thời chiến là thiệt thòi nhất. Họ phải ra trận, vừa đánh giặc vừa viết, không có cơ hội để xuất bản. Sau năm 1975 không ai đếm xỉa đến văn chương của họ. Tôi muốn lấy lại danh dự cho họ”.

Anh bảo thế. Thư Quán Bản Thảo và cơ sở in ấn của anh, Thư Án Quán đã ra đời như vậy. Có lần một sĩ quan Dù gửi thư cho anh nhờ tìm tác giả bài thơ Biên Cương Hành (của Phạm Ngọc Lư) để cảm ơn vì trong khi anh sĩ quan này bị thương chờ trực thẳng tới bốc, anh đã đọc bài thơ BCH trên báo Văn, rất trùng hợp với những suy nghĩ của anh. Vào năm 2010 lại có người hỏi thăm anh về nhà thơ Lê Văn Trung vì khi bị tù đày trong trại tù CS, anh đọc được những bài thơ của tác giả Lê Văn Trung và còn nhớ đến bây giờ. Trần Hoài Thư như đã trở thành một chiếc cầu nối cho những độc giả và những người làm văn nghệ nổi tiếng một thời mà sau 1975 họ không còn tác phẩm nào được tái bản hoặc xuất bản vì nhiều lý do, trong đó lớn nhất vẫn là lý do chính trị.

Trần Hoài Thư muốn dành thời gian còn lại của anh để bù đắp cho những tác giả miền Nam trong thời chiến nhưng có lẽ anh còn quên một điều, với chúng tôi – dĩ nhiên có cả

anh trong đó – những người lính đi đánh trận thì “tiền lính tính liền”. Lấy đâu ra tiền để dành dụm mà xuất bản? Biết ngày mai đi hành quân là “xả láng” mọi thứ, làm sao biết được mình còn sống không để mà trở về?

Trần Hoài Thư cũng là một người lính tác chiến. Hơn thế nữa, anh thuộc Đại Đội Thám Kịch của Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Một Sư Đoàn chỉ có một đại đội Thám Kịch, nhiệm vụ của họ là nhảy trực thăng – còn gọi là nhảy Điều Hâu – hay bằng các phương tiện khác vào vùng địch, tìm cách tiếp cận để nắm được quân số, vị trí và các trang bị chiến đấu của họ để báo về Bộ Tư lệnh của Sư Đoàn. Vì thế từ quan cho đến lính đều là những người ưu tú và cực kỳ gan dạ vì khi đã vào đất địch bằng các đơn vị nhỏ như vậy thì chết dễ như bỡn vì thiếu sự yểm trợ từ chính đơn vị của mình. Dân Thám Kịch “chê” mấy thằng du kích vớ vẩn. Bọn này chỉ rình rình núp đầu đó, cắc cù một hai phát là ôm súng co giò chạy biến. Thám Kịch “làm ăn” lớn hơn nhiều. Phải là cỡ chính quy cấp Sư Đoàn, “đồ chơi” toàn thứ dữ như cỡ thượng liên 12.8ly, vượt nhẹ cò súng một chút như vượt má con gái là đạn bay hàng tràng, loại súng mà trúng đạn vào tay chân thì tay chân “rụng” ngay lập tức, trúng vào cổ thì bay đầu, trúng vào thân thì cơ thể sẽ bị nâng bổng lên rồi mới đổ vật ra đất, viên đạn để lại trên cơ thể một cái lỗ tròn bằng nắm tay, lục phủ ngũ tạng bay đi đâu mất. Như cối 82ly, cối 120ly oạch đùng vang dội, miếng bay rào rào rất mặt cháy tóc, như DKZ bắn thẳng nổ dữ dội những ngày ra trận. Những ngày chiến trận đó Trần Hoài Thư đã hai lần bị thương, có một lần đạn “chê” anh, viên đạn xoi một lỗ bên một ống tay áo, đục thêm một lỗ khác trên ngực áo, cày một đường vắng mất một đầu vú rồi lại chui ra ở ống tay áo bên kia.

Dân tác chiến là như vậy, có lúc đạn bắn toi bời hoa lá, kêu chút chút như chuột kêu chung quanh mà chẳng hề hấn gì. Có lúc một trái pháo trời ơi đất hỡi bắn hú họa mà lại trúng miếng chết lãng nhách. Những ngày đó tỉnh Bình Định thuộc Liên Khu 5 của Bắc Quân là căn cứ địa của Sư đoàn Sao Vàng Bắc Việt khét tiếng, có thung lũng An Lão bốn bề núi dựng nằm ở phía Bắc. Nhiều khi ranh giới mong manh giữa hai bên chỉ là 1 dòng sông nhỏ, chiều ngang chưa bằng nửa tầm đạn bắn...

*Dòng sông phân tranh hai vùng thù nghịch.
Đêm xuống đòi gặp con nước nổi
Súng đưa khỏi đầu
Từng *con một vượt sông...*

*Rồi trước khi trèo ngọn Kỳ Sơn
Anh lạc trên cánh đồng mênh mông
Không biết nơi nào là cõi dữ... –(Đêm vượt sông)*

*Chú thích: * “Con”, tiếng lóng nhà binh chỉ người lính.*

Ngay từ khi nhảy ra khỏi trực thăng có nơi nào không là cõi dữ? Dân Thám Kịch trang bị nhẹ, chỉ mang dao găm, súng M16 với cấp số đạn gấp hai lần, loại súng khi bị “đính” đạn

vào người thì đầu vào chỉ bằng nút đũa mà đầu ra phá một lỗ toang hoác. Và rất nhiều lựu đạn, cả M26 hoặc M67. Họ không xài M72 chống tăng vì họ gần như chỉ cận chiến nếu gặp địch.

*“Nước nguồn đổ xuống ngày binh lửa
Những xác nào đã thúi hôm qua
Ai bạn ai thù sao quá thảm
Trên một dòng cuộn cuộn oan gia
Con sông chia cắt đôi bờ hận
Cột khói còn lưu luyến chiến trường
Có ai chạy loạn bơi xuống kẻ
Một thước đi, xác ngập thước đường” -(Trung đội)*

Bài thơ gợi nhớ lại chiến trận núi Chu Pao ở rừng núi cao nguyên thuộc Vùng 2 Chiến Thuật với hai câu thơ nổi tiếng:

*“Chu Pao ai oán hờn trong gió
Mỗi tác khăn tang một tác đường”.*

Chiến trận núi Chu Pao ngày đó là đồi núi, đôi khi hai bên chỉ cách nhau một tầm ném lựu đạn. Bên này ném thì bên kia chụp trái lựu đạn ném trả, chết... tính sau vì cứ nằm yên thì còn dễ chết hơn.

... Khi Thu nhảy vào vùng địch, những thân người chết trong chiến trận của cả 2 bên bị bỏ lại đã sinh thúi trong thung lũng An Lão bốn bề gió hú. Họ nằm đó, lặng lẽ nhìn trời hay úp mặt xuống đất, xác thân tan nát vì bom đạn, vì hỏa lực T.O.T (times on target) đang lặng lẽ phân hủy. Mùi xác chết xộc vào mũi Thu và các người lính của anh theo tiếng gió réo đang thổi lồng lộng lật tung chiếc mũ vải đi rừng đang đội:

*“Địch cho Trung Đội qua eo chết
Hai bên sườn đại liên đan nhau
Nổ... Nổ đòn
Đất đá kêu đau
Sủi bọt
Khói bốc lên
Bốn bề dội vào vách xám...*

*Một hai ba... Lộn. Nằm co quắp
Còn lại vẫn ào lên ào lên
Đừng bò! Đừng bò!
Trung đội phó hét cuồng điên
Cỏ tranh bắt mỗi chày mạnh
Gió tạt khói mù*

*Bốn bề khói rợp
Khói cay cay cặp mắt nổ tròn
Khấp bốn bề gào thét xung phong...*

*Cao điểm chiếm rồi
Vui mừng quá độ
Mà sao người lính Truyền Tin rơi lệ
Báo cáo trong tiếng mất tiếng còn
Về những thằng bị *kiến cắn ngủ yên"... –(Eo chết)*

– Chú thích: *Bị "kiến cắn": Từ trận

Bài thơ hào hùng đúng mùi chiến trận. Người viết bài này cũng từng ở trong những tình huống tương tự: Không được bò. Dỏng lưng lên lăn xả vào họng súng bên kia thì còn có cơ may sống sót. Xạ thủ đại liên M60 cũng xách cây súng nặng chịch vừa chạy vừa tưới đạn về phía trước. Trong kinh hoàng khói lửa, những tiếng nổ của lựu đạn và những loại súng khác nhau từ cả hai phía làm hai tai điếc đặc, khói súng mù mịt trên chiến trường và tiếng thét xung phong dồn dập làm cho người lính trận như say, chỉ có một hướng lao về phía trước không còn nghĩ gì tới chết sống. Nhưng khi chiến trận tàn rồi, tiếng nổ đã im, rừng bỗng trở nên yên ắng kỳ lạ và lúc đó mới biết ai còn ai mất. Và rút nước mắt thương đồng đội của mình, mới sáng nay còn chia đôi điều thuốc giờ đã vĩnh viễn nằm xuống không kịp trời trăng một lời. Và cũng là khi thấy máu của mình chảy ra từ đâu đó mới biết mình cũng bị thương:

*“Chỉ giữ lại trên thân ta, này vết sẹo
Để khi buồn, sờ lại nhớ thời xưa
Dấu vết hôm qua khói lửa mịt mù
Và kinh hãi... Trời ơi... Ta vẫn còn sống sót”.... –(Tạ Từ)*

Chỉ có những người trực tiếp cầm súng bắn nhau mới biết anh nói đúng. Nghĩ lại mà rợn người, chẳng biết làm sao mà mình còn sống được! Đạn tránh người chứ người làm sao tránh được đạn? Vậy mà khi bị thương ra khỏi Quân Y Viện, vết thương vừa lên da non lại nhớ đồng đội, nhớ chiến trường. Nhớ mùi cỏ cây hăng hắc nồng nàn mỗi sáng đi mở đường trong rừng già, nhớ mùi những thân cây bị bom cháy đen vươn những cánh tay khẳng khiu trên trời những chiều đóng quân, nhớ những cánh rừng im lặng rợn người không một tiếng chim kêu vì muông thú đã bỏ đi hết do bom đạn. Và chân lại muốn đi, đi về phía có ánh lửa chớp sáng trên đầu họng súng, nơi có những đồng đội chia nhau từng ca nước uống sặc sụa mùi bùn đỏ mủ lên từ những vết xích xe tăng mà cơn mưa đêm qua còn để lại. Suối có khi rất gần nhưng không thể xuống được. Lọ mọ kéo nhau xuống lấy nước lũ “mát dạy” (chữ dùng của nhà văn Phan Nhật Nam) phục sẵn trong rừng bắn cho nát gáo. Nhớ những đêm nằm rừng, quần áo thấm nước mưa và mồ hôi vào ban ngày đã khô quắt lại, nằm trên võng treo bên dưới chiếc Poncho, cây súng dựng sẵn một bên. Nhớ những cánh rừng cỏ tranh cao lút đầu người, những ngày lội trong rừng cỏ tranh sắc

như dao cứa đứt thịt da. Nhớ những con suối mùa khô xâm xấp nước, lá cây rừng rụng xuống hàng hàng lớp lớp, khi mang giày trận lội qua là chắc chắn những kẽ ngón chân sẽ lở loét, nhớ cả những vết muỗi rừng chích xuyên qua lớp poncho và bộ đồ trận đã dày cui vì mồ hôi và nhựa cây rừng. Và cứ thế, như có một sức hút kỳ lạ không giải thích được, người lính chiến miền Nam lại tiếp tục bước chân về phía chiến trường nơi rừng già, nơi tăm tối đến nỗi không có lấy một chút ánh sáng hỏa châu màu đỏ quạch để soi sáng cho họ những cái chết đang rình rập trong bóng đêm mù mịt.

*“Những lần chuyển quân dù chẳng biết về đâu
Nhưng chúng tôi đều biết những gì đang chờ đợi sẵn
Như thể những viên đạn đồng trong lòng cơ bắm
Xẹt ra khỏi nòng rồi kiến cắn tê mê...”*

*Hãy mừng dùm anh dù bầm dập tả tơi
Anh vẫn được tặng phái xuống đồi
Tiếp tục những lần chuyển quân
Về những nơi mình không biết” ...* –(Người lính trở về với chiến trường)

Mà ngọn đồi nơi người lính Thám Kịch Trần Hoài Thu “được” tặng phái thì có yên bình một chút nào đâu! Vẫn là nơi chết chóc vang động tiếng pháo của Bắc quân đe dọa sự yên bình trên mảnh đất miền Nam nơi anh sinh ra, nơi có Mẹ Cha, có bây em đang tung tăng đến trường mỗi sáng, nơi có những gia đình đoàn tụ mỗi ngày bên mâm cơm tối đậm bạc dưới ánh đèn. Và anh lại khoác áo trận để trở lại chiến trường cùng với đồng đội của mình dù biết rõ cái chết vẫn đang chờ anh qua cái họng đen ngòm của chiếc nòng súng, của chiếc lưỡi lê 3 khía nhọn hoắt trên nòng cây AK47 sản xuất tại Liên Xô hay của Trung Cộng đang nhắm vào yết hầu của dân miền Nam.

*“Tôi qua đồi xám mây mờ núi
Thương về đâu một lũ sáo rừng
Hôm qua đồi ngập hàng trăm xác
Đạn pháo đào sâu bãi chiến trường...”*

*Có ai như thể người lính Thượng
Ngồi khom trên bờ đá thổi khèn
Hôm qua có những hồn ma lẻ
Lạc tìm về buôn bản cao nguyên
Có ai dưới lớp mồ hoang dã
Năm xuôi chân mắt mở trợn trừng
Chiều nay sao mọc về phương Bắc
Sao ruột lòng vắt đỏ phương Nam
Cỏ tranh lớp lớp che đường dốc
Phòng tuyến buồn hiu nhuộm nắng chiều
Trận đánh cũng đi vào quên lãng*

Sao còn rờn rợn những hồn xiêu”... –(Đôi xưa)

Ra vậy! Người lính Thám Kịch Trần Hoài Thu, với tâm hồn của một người làm thơ đã nhìn thấy những con sáo bay về rừng trong chiều chuyển quân. Tâm hồn nhạy cảm dễ rung động trước cái đẹp của anh ghi nhận được những điều nhỏ nhoi tinh tế nhất và cả những hình ảnh dữ dội của cái chết khi nhìn thấy những người lính từ phương Bắc xa xôi nằm chết ban ruột trên đất miền Nam. Trên đất cao nguyên ngày đó có người lính làm thơ Trần Hoài Thu với những thị xã nhỏ bé “đi dăm bước đã về chốn cũ” như lời thơ trong một bài thơ của Vũ Hữu Định. Vùng đất đỏ quạch bụi bay mù trời dưới những vòng bánh xe GMC những chiều chuyển quân và ngập ngụa bùn đỏ vào những ngày mưa mù mịt của cao nguyên làm anh da diết nhớ nhà:

*“Anh ở trên rừng với Kinh với Thượng
Với những đại ngàn mặt trời mất tích
Những người chung quanh màu da đen nám
Nên cuộc đời anh cũng phải nám đen
Anh ở trên rừng mưa ngày mưa đêm
Không cần cùm chân mà chân khó bước
Bước một bước lên bùn già chân trước
Bước hai bước lên bùn non chân sau....*

*Anh ở trên rừng thương em nhớ con
Không biết làm sao để về dưới nó
Ấn trái ớt rừng cay nhưng cay nhớ
Cay cả cuộc đời lính thú cao nguyên” ... –(Anh ở trên rừng)*

“Ấn trái ớt rừng cay nhưng cay nhớ”. Ôi cha! Câu thơ tuyệt vời!

Một ngày anh có khách đến thăm giữa núi rừng hiu quạnh, nơi chỉ có hầm hố súng đạn và những người lính trận dạn dày sương gió:

*“Em lên thăm anh mang mùi thiếu nữ
Nhà anh đây những hố hầm phòng ngự
Không có gì ngoài ít bài thơ
Không có gì ngoài những hoa mười giờ
Đỏ thắm cả một triền đồi heo hút
Em lên thăm anh áo màu hoa cúc
Mà hầm anh lâu quá không sửa sang
Em xem kìa, lựu đạn với dao găm
Không có cả một tấm hình để thêm tươi mát
Không có bức tranh dù là tĩnh vật
Để ám cuộc đời trong tuổi thanh niên”.... –(Em lên thăm anh)*

Và cứ vậy, hết cao nguyên lại xuống đồng bằng. Trên bốn vùng chiến thuật, những người lính trận miền Nam VN trải qua tuổi thanh xuân của mình trong lửa đạn. Họ tiếp tục có mặt nơi những tuyến đầu, nơi có những trò chơi chết người của súng đạn đang chờ đợi họ, không ngại ngần, không dè dặt để giữ vững sự bình yên cho đất nước.

*“Điều hâu đã về như một lũ âm binh
Kẻ trước kẻ sau lao vào địa ngục
Đêm không thấy đường giữ dây khỏi lạc
Chúng tôi băng đồng nước ngập
Giải cứu quê em” ... –(Đêm tiếp cứu chợ Huyện)*

Nhưng khi anh và các đồng đội, những “điều hâu” lao tới nơi địch về thì có khi đã không còn kịp nữa: Ngôi trường nghèo nàn tả tơi ở 1 vùng quê xa xôi trong cơn binh lửa đã cướp mất mạng sống của cô giáo trẻ, để lại một bầy học trò cũng nghèo nàn không kém đang sợ hãi nháo nhác bên xác cô giáo như bầy gà con mất mẹ:

*“Lũ bé quỳ bên xác cô trẻ
Đặt chùm hoa máu máu gọi cô về
Cô không về, cô bỏ dạy, cô đi
Cô bỏ chúng con cô về xứ khác
Ta cắn bầm môi... em ơi, ta khóc
Em không về em cũng bỏ thanh xuân...”*

*Em bé quê ơi cho ta nhành bông
Một nhành bông quỳ vàng như màu áo
Ta đặt lên em. Trống trường ảo não
Như những hồi mặc niệm em tôi
Ta đã về, và đã trở, em ơi” ...*

Tôi tin chắc là anh khóc. Vì chính tôi, khi đọc những câu thơ này cũng đang cay cay trong lòng muốn rơi nước mắt. Sự bình yên cho quê hương, cho những ngôi trường nghèo nàn ở những nơi xa xôi đã làm đổ biết bao nhiêu máu. Nhưng những người lính miền Nam đã bị phản bội. Máu xương của các người lính miền Nam, của đồng bào miền Nam đã bị phản bội vào cái ngày mà Richard Nixon, Tổng thống Mỹ bắt tay với Mao Trạch Đông, tươi cười cụng ly rượu mời nhau ở Bắc Kinh vào năm 1972. Trên bàn cờ chính trị quốc tế, do ảnh hưởng của “thầy dùi” Henry Kissinger là Ngoại trưởng Mỹ gốc Do Thái thời đó— một con ma đi đêm theo kiểu Đại Sứ Henry Cabot Lodge thời Đệ Nhất Cộng Hòa— và những áp lực khác nhau từ nhiều hướng, người Mỹ bỏ bán đảo Đông Dương để hướng về Trung Đông, nơi mà đồng minh Israel thân cận của họ cũng đang lao đao trong vòng vây thù địch của những quốc gia Ả Rập thuộc khối Hồi Giáo. Rồi Hoàng Sa bị Tàu cộng chiếm. Người lính trận miền Nam vẫn tiếp tục dững cảm chiến đấu trong vô vọng.

Năm 1973 hiệp định Paris được ký kết. Quân đội Mỹ bình an rút về nước. Cũng từ đó, các viện trợ quân sự cho miền Nam chỉ còn nhỏ giọt. Máy bay, xe tăng nằm ụ vì thiếu nhiên liệu hoặc phụ tùng thay thế. Pháo yểm trợ cho các trận đánh chỉ bắn cầm chừng vì không còn đạn dự trữ trong khi Bắc quân rải pháo như mưa xuống các vùng hành quân bị cô lập vì không còn gì để tiếp tế cho họ, cho những người lính cắn răng chiến đấu trong sự thiếu thốn đến tận cùng. Khí tài, súng đạn vào những ngày tháng 4/1975 chỉ còn đủ dùng trong một tháng, trong khi các nước đồng minh thuộc khối Cộng sản tiếp tục tăng viện với số lượng không giới hạn các phương tiện chiến tranh cho Bắc quân. Vào những ngày cuối tháng 4/1975, do thông tin liên lạc hoàn toàn bị cắt đứt từ trước đó nên đã có một đơn vị thuộc Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù không hề biết tin tức gì về chiến sự. Họ đang hành quân trong rừng già nhưng hoàn toàn mất liên lạc với Bộ Chỉ Huy của mình. Khi lò mò ra khỏi rừng về đến Tân Uyên thượng nguồn sông Đồng Nai họ đã bị bắt sống và cả 18 người lính đều bị xử tử, xác bỏ trôi sông. Và cuối cùng, điều không thể nào tránh khỏi đã xảy ra: Dương Văn Minh kêu gọi quân đội buông súng đầu hàng vào cuối tháng 4/1975.

... Lịch sử sẽ ghi lại những vị tướng VNCH, những quân nhân các cấp thuộc mọi binh chủng đã tự sát vào ngày miền Nam bị bức tử. Lịch sử đã chọn các anh để giao cho phần đen tối nhất, thê thảm nhất. Những người lính phải buông súng khi không hề thất trận và các anh đã không thể có được sự lựa chọn nào khác cho mình. Thế hệ của các anh, rụi thay, rơi đúng vào thời điểm thê lương nhất trong lịch sử VN.

*“Thế hệ chúng tôi mang đầy vết sẹo
Vết sẹo ngoài thân và vết sẹo trong hồn
Không phạm tội mà ra tòa chung thẩm
Treo án tử hình ở tuổi thanh xuân
Thế hệ chúng tôi loài ngựa thồ bị xích
Hai mắt buồn che bởi tấm da trâu
Quá khứ tương lai, tháng ngày mất tích
Đàn ngựa rũ bồm không biết về đâu...
Thế hệ chúng tôi già như quả đất
Râu tóc mỗi ngày mọc những hoang mang” ... –(Thế hệ chiến tranh)*

Người lính làm thơ Trần Hoài Thư, vào thời gian này là một phóng viên chiến trường nên chỉ bị tù 3 năm nhưng những sĩ quan khác thì triền miên đói khổ trong tù chẳng biết ngày về. Lại một giai đoạn bi hùng khác của quân đội VNCH, rất nhiều người đã bị giết, gián tiếp hay trực tiếp khi trong tay không còn tác sát. Nhà cửa họ bị tịch thu. Vợ con họ sống lây lất trong các khu Kinh Tế Mới heo hút trong những vùng xa xôi rừng thiêng nước độc, đầy dẫy bom mìn còn sót lại. Chiến tranh đã đi qua nhưng những ký ức đau đớn vẫn còn nguyên vẹn trong lòng Trần Hoài Thư:

*“Da ông bạn màu đen
Tóc ông bạn màu trắng*

*Da của tôi màu vàng
Tóc của tôi màu trắng
Màu trắng của Daksuk
Màu trắng của *Mang Giang
Màu trắng của mù sương
Màu trắng của mây bạc
Thời chúng ta đánh giặc
Nhuộm mãi đến bây giờ”... –(Tráng)*

*Chú thích: *Các địa danh của Cao nguyên Trung phần.*

Những ngày sống trên đất Mỹ nhìn đất trời cô tịch – như rất nhiều những nhà thơ VN khác – lòng anh bùi ngùi nhớ quê hương.

*“Ở đâu cũng vẫn đất trời
Cũng rùng cô tịch cũng đôi tà dương
Cũng ngày nắng cũng đêm sương
Cũng qua cũng lại phố phường người dung
Cũng trên trời một vàng trăng
Cũng sông vẫn chảy hai dòng ngược xuôi
Nhưng sao lòng lại không nguôi
Nghe như bìm bịp gọi chiều nước lên”... –(Xa xứ)*

A! Lại con chim bìm bịp! Loài chim có nhiều nơi sông nước miền Tây có tiếng kêu rất buồn, rất đơn điệu kêu theo những con nước ròng lên xuống. Tiếng kêu mênh mang trên những dòng sông trôi lặng lẽ ra biển, chẳng ai nhìn thấy con chim đâu nhưng tiếng kêu cứ vang vang trên dòng nước chảy, thấp xuống dần rồi tắt hẳn trong những bãi bờ xanh ngắt ven sông. Anh làm sao mà nguôi ngoai được những ngày binh lửa còn vắng vát trong trí nhớ. Lòng anh giờ cũng buồn thảm như tiếng bìm bịp kêu một mình trên những dòng sông đỏ màu phù sa của một quê hương bây giờ xa thăm ngàn trùng.

75 tuổi. Đời người không còn mấy nỏ. Anh vẫn cặm cụi và tỉ mỉ làm cái công việc của riêng mình hàng ngày, vẫn chăm chút những tác phẩm văn học của miền Nam nhưng sẵn sàng tặng không cho những người còn quan tâm đến văn chương miền Nam một thời chìm trong lửa đạn.

Riêng với tôi, anh vẫn cứ là người lính Thám Kịch của gần 50 năm trước. Anh vẫn là người đi đầu, chấp nhận gian khổ và hy sinh như ngày xưa nhưng trên một mặt trận hoàn toàn khác: Mặt trận Văn Học.

Văn Học miền Nam.
Viết để quý tặng anh Trần Hoài Thu

Phụ lục

Bài viết của anh Trần Hoài Thư gửi tác giả Như Không:

“... *Bạn viết hay quá. Hay vì bạn cũng là dân đánh đấm. Bạn tả cái cảnh này, đọc mà muốn khóc:*”

“Nhớ mùi cỏ cây hăng hắc nồng nàn mỗi sáng đi mở đường trong rừng già, nhớ mùi những thân cây bị bom cháy đen vượn những cánh tay khăng khiu trên trời những chiều đóng quân, nhớ những cánh rừng im lặng rợn người không một tiếng chim kêu vì muông thú đã bỏ đi hết do bom đạn. Và chân lại muốn đi, đi về phía có ánh lửa chớp sáng trên đầu họng súng, nơi có những đồng đội chia nhau từng ca nước uống sặc sụa mùi bùn đỏ mủ lên từ những vết xích xe tăng mà cơn mưa đêm qua còn để lại. Suối có khi rất gần nhưng không thể xuống được. Lọ mọ kéo nhau xuống lấy nước lũ ‘mát dạy’ phục sẵn trong rừng bần cho nát gáo. Nhớ những đêm nằm rừng, quần áo thấm nước mưa và mồ hôi vào ban ngày đã khô quắt lại, nằm trên võng treo bên dưới chiếc Poncho, cây súng dựng sẵn một bên. Nhớ những cánh rừng cỏ tranh cao lút đầu người, những ngày lội trong rừng cỏ tranh sắc như dao cứa đứt thịt da. Nhớ những cơn suối mùa khô xâm xấp nước, lá cây rừng rụng xuống hàng hàng lớp lớp, khi mang giày trận lội qua là chắc chắn những kẽ ngón chân sẽ lở loét, nhớ cả những vết muỗi rừng chích xuyên qua lớp poncho và bộ đồ trận đã dày cui vì mồ hôi và nhựa cây rừng. Và cứ thế, như có một sức hút kỳ lạ không giải thích được, người lính chiến miền Nam lại tiếp tục bước chân về phía chiến trường nơi rừng già, nơi tăm tối đến nỗi không có lấy một chút ánh sáng hỏa châu màu đỏ quạch để soi sáng cho họ những cái chết đang rình rập trong bóng đêm mù mịt...”

Tôi không có facebook để phổ biến. Còn Thư Quán Bản Thảo thì đăng không tiện (báo của mình, đăng bài ca ngợi mình, người ta sẽ đàm tiếu). Bạn cho phép tôi đi trên Blog của tôi?

Tôi mong bài này sẽ được phổ biến rộng rãi để nói lên tiếng nói của dân đánh giặc bọn mình!

Chúc lành
Trần Hoài Thư.



*Nguồn: Internet eMail by **cathy** chuyển*

*Đăng ngày Thứ Tư, May 29, 2024
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*